

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN Ô MÔN
THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 18/2020/DS-ST
Ngày: 10-9-2020
V/v Tranh chấp hụi

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN Ô MÔN – THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Trần Thanh Thế.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lê Thị Tân An.
2. Ông Trương Sô Huy.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Như Ngọc – Thư ký Tòa án nhân dân quận Ô Môn.

- Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân quận Ô Môn tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Huệ.

Trong ngày 10 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 27/2020/TLST-DS ngày 03 tháng 02 năm 2020 về việc “Tranh chấp hụi” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 42/2020/QĐXXST-DS ngày 07 tháng 8 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 22/2020/QĐST-DS ngày 24 tháng 8 năm 2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà **Nguyễn Kim Th**, sinh năm 1989. (Có mặt)

Địa chỉ: Khu vực G, phường C, quận M, thành phố Cần Thơ.

Bị đơn: Bà **Nguyễn Thị Bé H**, sinh năm 1972. (Vắng mặt)

Địa chỉ: Khu vực G, phường C, quận M, thành phố Cần Thơ.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Ông **Lê Hồng D**, sinh năm 1968. (Vắng mặt)

- Ông **Nguyễn Văn Bé B**, sinh năm 1979. (có đơn xin vắng mặt)

- Bà **Nguyễn Thị L**, sinh năm 1971. (có đơn xin vắng mặt)

- Bà **Nguyễn Thị B**, sinh năm 1953. (có đơn xin vắng mặt)

- Bà **Ngô Thị Hồng T1**, sinh năm 1952. (có đơn xin vắng mặt)

- Bà **Nguyễn Thị T2**, sinh năm 1955. (có đơn xin vắng mặt)

Địa chỉ: Khu vực G, phường C, quận M, thành phố Cần Thơ.

- Ông **Nguyễn Thành Nhân**, sinh năm 1978. (có đơn xin vắng mặt)

Địa chỉ: Khu vực H, phường C, quận M, thành phố Cần Thơ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Nguyên đơn bà Nguyễn Kim Th trình bày:***

Bà và bà Nguyễn Thị Bé H, ông Lê Hồng D có quen biết cùng xóm nên bà có tham gia chơi hội do bà H và ông D làm chủ hội, gồm các chân hội:

- 01 chân hội 1.000.000 đồng/tháng, khai ngày 15/8/2017 (âm lịch) gồm có 17 phần, bà góp được 16 lần số tiền là 15.500.000 đồng.

- 01 chân hội mùa 2.000.000 đồng, khai ngày 20/7/2017 (âm lịch) gồm có 15 phần, bà góp được 06 lần số tiền là 12.000.000 đồng.

- 01 chân hội 1.000.000 đồng/tháng, khai ngày 30/5/2018 (âm lịch) gồm có 17 phần, bà góp được 07 lần số tiền là 7.000.000 đồng.

- 01 chân hội 1.000.000 đồng/tháng, khai ngày 05/7/2018 (âm lịch) gồm có 16 phần, bà góp được 05 lần số tiền là 5.000.000 đồng.

- 01 chân hội 1.000.000 đồng/tháng, khai ngày 10/7/2018 (âm lịch) gồm có 16 phần, bà góp được 05 lần số tiền là 5.000.000 đồng.

Ngày 03/9/2019, bà Thông (mẹ của bà H) đã trả cho bà số tiền 5.000.000 đồng, như vậy, bà H và ông D còn nợ bà số tiền 39.500.000 đồng.

Sau đó bà H tuyên bố bãi hội và không trả tiền lại cho bà, bà đã nhiều lần yêu cầu bà H và ông D trả số tiền trên nhưng bà H và ông D hứa hẹn nhiều lần và kéo dài đến nay.

Nay bà yêu cầu Tòa án buộc bà Nguyễn Thị Bé H và ông Lê Hồng D trả lại cho bà số tiền hội là 39.500.000 đồng (*Ba mươi chín triệu năm trăm nghìn đồng*).

**** Tại Biên bản lấy lời khai ngày 25/02/2020, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan – ông Lê Hồng D trình bày:***

Ông và bà Nguyễn Thị Bé H là vợ chồng, cùng đăng ký hộ khẩu thường trú tại khu vực 12, phường Châu Văn Liêm, quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ. Bà H có làm chủ hội khoảng 10 năm nay, đến khoảng tháng 9 năm 2019 thì bãi hội. Do kinh tế gia đình quá khó khăn không có khả năng trả tiền hội cho các hội viên nên đến tháng 10/2019, ông và bà H đi đến tỉnh Bình Dương tìm việc làm.

Khi bà Bé H làm chủ hội, bà Nguyễn Kim Th có tham gia chơi hội nhưng ông không biết bà Th tham gia bao nhiêu chân hội. Ông thừa nhận bà H có nợ tiền hội của bà Th nhưng hiện nay ông chưa xác định được số tiền hội bà H nợ bà Th là bao nhiêu. Do bận đi làm nên bà H không đến Tòa án được, ông và bà H sẽ tính toán lại sổ hội để xác định số tiền hội còn nợ bà Th.

Mặc dù việc tổ chức hội là do bà H tự làm, ông không có tham gia nhưng do là vợ chồng nên ông đồng ý cùng bà H chịu trách nhiệm trả lại cho bà Th số tiền hội thực tế bà Th đã đóng, yêu cầu bà Th không tính tiền lãi.

**** Tại Biên bản lấy lời khai ngày 22/7/2020, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan – ông Nguyễn Văn Bé B trình bày:***

Ông và bà Nguyễn Kim Th có quen biết nhau vì cùng tham gia hội do bà Nguyễn Thị Bé H làm chủ hội. Ông và bà Th có tham gia chung 02 dây hội gồm:

- Hội 1.000.000 đồng/tháng, khai ngày 15/8/2017 (âm lịch) gồm có 17 phần, ông tham gia 01 phần và đã góp 16 lần với số tiền 16.000.000 đồng.
- Hội mùa 2.000.000 đồng, khai ngày 20/7/2017 (âm lịch) gồm có 15 phần, ông tham gia 02 phần và đã góp số tiền 24.000.000 đồng.

Ông chỉ biết ông và bà Th có tham gia chung 02 dây hội trên, ông và bà Th đều chưa hốt hội. Còn việc bà Th tham gia mấy phần hội, đã góp được bao nhiêu tiền thì ông không biết.

Ông không có yêu cầu gì trong vụ án này. Đồng thời, do bận công việc nên ông yêu cầu được vắng mặt tại các phiên hòa giải, công khai chứng cứ và xét xử vụ án này.

**** Tại Biên bản lấy lời khai ngày 22/7/2020, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan – bà Nguyễn Thị L trình bày:***

Bà và bà Nguyễn Kim Th có quen biết nhau vì cùng tham gia hội do bà Nguyễn Thị Bé H làm chủ hội. Bà và bà Th tham gia chung 02 dây hội gồm:

- Hội 1.000.000 đồng/tháng, khai ngày 15/8/2017 (âm lịch), gồm có 17 phần. Bà tham gia 02 phần, phần hội này bà đã hốt xong.
- Hội mùa 2.000.000 đồng, khai ngày 20/7/2017 (âm lịch), gồm có 15 phần. Dây hội này bà tham gia 01 phần hội, bà đã góp được 06 lần và chưa hốt hội.

Bà chỉ biết có tham gia chung với bà Th 02 dây hội trên, bà Th chưa hốt hội. Còn việc bà Th tham gia mấy phần, đã góp được bao nhiêu lần thì bà không biết. Nay bà không có yêu cầu gì trong vụ án này. Đồng thời, do bận công việc nên bà yêu cầu được vắng mặt tại các phiên hòa giải, công khai chứng cứ và xét xử vụ án này.

**** Tại Biên bản lấy lời khai ngày 22/7/2020, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan – bà Nguyễn Thị B trình bày:***

Bà và bà Nguyễn Kim Th có quen biết nhau vì cùng tham gia hội do bà Nguyễn Thị Bé H làm chủ hội. Bà và bà Th cùng tham gia chung 01 dây hội: Hội mùa 2.000.000 đồng khai ngày 20/7/2017 (âm lịch), gồm có 15 phần. Dây hội này bà tham gia 02 phần, bà đã đóng được 06 lần số tiền 24.000.000 đồng và chưa hốt hội.

Bà chỉ biết bà Th chưa hốt hội này, còn bà Th tham gia mấy phần, đã góp được bao nhiêu lần thì bà không biết.

Nay bà không có yêu cầu gì trong vụ án này. Đồng thời, do bận công việc nên bà yêu cầu được vắng mặt tại các phiên hòa giải, công khai chứng cứ và xét xử vụ án này.

*** Tại Biên bản lấy lời khai ngày 22/7/2020, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan – bà Ngô Thị Hồng T1 trình bày:**

Bà và bà Nguyễn Kim Th có quen biết nhau vì cùng tham gia hội do bà Nguyễn Thị Bé H làm chủ hội. Bà và bà Th có tham gia chung dây hội do bà Bé H làm chủ hội: Hội 1.000.000 đồng/tháng, khai ngày 05/7/2018 (âm lịch), gồm có 16 phần. Bà tham gia 03 phần, còn bà Th thì tham gia 01 phần. Phần hội này bà đã góp được 15.000.000 đồng, bà Th đã góp 5.000.000 đồng. Bà và bà Th đều chưa hốt hội. Do bề hội nên bà Bé H chưa giao tiền hội cho bà và bà Th.

Nay bà không có yêu cầu gì trong vụ án này. Đồng thời, do bận công việc nên bà yêu cầu được vắng mặt tại các phiên hòa giải, công khai chứng cứ và xét xử vụ án này.

*** Tại Biên bản lấy lời khai ngày 22/7/2020, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan – bà Nguyễn Thị T2 trình bày:**

Bà là mẹ của bà Nguyễn Kim Th. Bà và bà Th cùng tham gia 03 dây hội do bà Nguyễn Thị Bé H làm chủ hội gồm:

- Hội 1.000.000 đồng/tháng, khai ngày 05/7/2018 (âm lịch), gồm có 16 phần. Bà tham gia 01 phần, phần hội này bà đã góp được 05 lần với số tiền 5.000.000 đồng, bà và bà Th đều chưa hốt hội.

- Hội 1.000.000 đồng/tháng, khai ngày 10/7/2018 (âm lịch), gồm có 16 phần. Bà tham gia 01 phần hội, phần hội này bà đã góp được 05 lần với số tiền 5.000.000 đồng, bà và bà Th đều chưa hốt hội.

Bà chỉ biết có tham gia chơi hội với bà Th các dây hội này, bà và bà Th đều chưa hốt hội, còn bà Th tham gia mấy phần, đã góp được bao nhiêu lần thì bà không nhớ rõ.

Nay bà không có yêu cầu gì trong vụ án này. Đồng thời, do bận công việc nên bà yêu cầu được vắng mặt tại các phiên hòa giải, công khai chứng cứ và xét xử vụ án này.

*** Tại Biên bản lấy lời khai ngày 22/7/2020, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan – ông Nguyễn Thành Nhân trình bày:**

Ông và bà Nguyễn Kim Th có quen biết nhau vì cùng chơi hội do bà Nguyễn Thị Bé H làm chủ hội: Hội ngày 15/8/2017 (âm lịch), có 16 phần. Dây hội này ông tham gia 02 phần hội, mỗi phần hội ông đã đóng 14 lần số tiền 14.000.000 đồng. Việc bà Th tham gia mấy phần hội, đã đóng bao nhiêu lần thì ông không biết. Ông chỉ biết có chơi chung hội với bà Th, ông và bà Th đều chưa hốt hội.

Nay ông không có yêu cầu gì trong vụ án này. Đồng thời, do bận công việc nên ông yêu cầu được vắng mặt tại các phiên hòa giải, công khai chứng cứ và xét xử vụ án này.

Tại phiên tòa,

- Nguyên đơn bà Nguyễn Kim Th thay đổi yêu cầu khởi kiện buộc bà Nguyễn Thị Bé H và ông Lê Hồng D cùng chịu trách nhiệm trả cho bà số tiền

hội là 27.050.000 đồng (*Hai mươi bảy triệu không trăm năm mươi nghìn đồng*). Bà Th rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền 7.000.000 đồng của đây hội ngày 30/5/2018 (âm lịch).

Đối với đây hội ngày 15/8/2017 (âm lịch), thực tế có 17 phần nhưng giấy hội chỉ ghi 16 phần, còn 01 phần không ghi vào giấy hội nên bà Th đồng ý xác định đây hội này có 16 phần, bà hốt chót số tiền là 15.000.000 đồng.

- Bị đơn bà Nguyễn Thị Bé H vắng mặt không có lý do.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê Hồng D vắng mặt không có lý do; ông Nguyễn Văn Bé B, bà Nguyễn Thị L, bà Nguyễn Thị B, bà Ngô Thị Hồng T1, bà Nguyễn Thị T2 và ông Nguyễn Thành Nhân có đơn xin vắng mặt.

- Kiểm sát viên phát biểu quan điểm:

+ Về tố tụng: Tòa án thụ lý vụ án, xác định quan hệ tranh chấp là “Tranh chấp hội”, xác định tư cách đương sự và tiến hành thu thập chứng cứ đúng quy định.

+ Về nội dung: Qua xem xét các tài liệu chứng cứ và diễn biến tại phiên tòa, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 471 Bộ luật dân sự chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bà H và ông D trả cho bà Th số tiền hội 27.050.000 đồng; đồng thời áp dụng Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự đình chỉ xét xử một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với đây hội ngày 30/5/2018.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật: Bà Th, ông D, ông B, bà L, bà B, bà T1, bà T2 và ông Nhân cùng xác định bà H có làm chủ hội, quá trình làm hội có phát sinh tranh chấp nên bà Th khởi kiện, do đó quan hệ pháp luật được xác định là “*Tranh chấp hội*”. Đây là tranh chấp dân sự giữa cá nhân với cá nhân, được pháp luật dân sự điều chỉnh và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại Khoản 3 Điều 26 và Điểm a Khoản 1 Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn bà Nguyễn Thị Bé H và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê Hồng D đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai mà không có lý do; ông Nguyễn Văn Bé B, bà Nguyễn Thị L, bà Nguyễn Thị B, bà Ngô Thị Hồng T1, bà Nguyễn Thị T2 và ông Nguyễn Thành Nhân có đơn xin vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại Điểm b Khoản 2 Điều 227 và Khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung vụ án:

Từ năm 2017 đến năm 2018, bà H có làm chủ hội nhiều dây hội, bà Th có tham gia 04 dây hội:

- Hội 1.000.000 đồng/tháng, mỗi tháng khai 01 lần, khai ngày 15/8/2017 (âm lịch) gồm có 16 phần. Hội viên gồm có bà Th, bà L, bà T2, ông B, ông Nhân và một số người khác không rõ họ tên và địa chỉ. Bà Th tham gia 01 phần, đã góp được 15 lần. Bà L tham gia 02 phần và đã hết xong; ông B tham gia 01 phần, ông Nhân tham gia 02 phần. Bà Th, ông B và ông Nhân, chưa hết hội.

Dây hội này đã mãn, bà Th hết chót với số tiền là 15.000.000 đồng, bà Th tự nguyện trừ tiền huê hồng cho chủ hội – bà H với số tiền 500.000 đồng. Sau khi trừ tiền huê hồng thì tiền hội còn lại là 14.500.000 đồng. Sau khi bế hội, bà Thông (mẹ của bà H) đã trả cho bà số tiền 5.000.000 đồng, số tiền còn lại của dây hội này là 9.500.000 đồng.

- Hội mùa 2.000.000 đồng, 03 tháng khai 01 lần, khai ngày 20/7/2017 (âm lịch) gồm có 15 phần. Hội viên gồm có bà Th, bà L, bà B, ông B và một số người khác không rõ họ tên và địa chỉ. Bà Th tham gia 01 phần, đã góp được 06 lần, bình quân mỗi lần góp khoảng 1.550.000 đồng, tổng số tiền bà Th đã góp là 9.300.000 đồng. Bà L tham gia 01 phần, bà B tham gia 02 phần, ông B tham gia 02 phần. Bà Th, bà L, bà B và ông B chưa hết hội.

- Hội 1.000.000 đồng/tháng, khai ngày 05/7/2018 (âm lịch) gồm có 16 phần. Hội viên gồm có bà Th, bà T1, bà T2 và một số người khác không rõ họ tên và địa chỉ. Bà Th tham gia 01 phần, đã góp được 05 lần, bình quân mỗi lần góp khoảng 825.000 đồng, tổng số tiền bà Th đã góp là 4.125.000 đồng. Bà T1 tham gia 03 phần, bà T2 tham gia 01 phần. Bà Th, bà T1 và bà T2 chưa hết hội.

- Hội 1.000.000 đồng/tháng, khai ngày 10/7/2018 (âm lịch) gồm có 16 phần. Hội viên gồm có bà Th, bà T2 và một số người khác không rõ họ tên và địa chỉ. Bà Th tham gia 01 phần, đã góp được 05 lần, bình quân mỗi lần góp khoảng 825.000 đồng, tổng số tiền đã góp là 4.125.000 đồng. Bà T2 tham gia 01 phần. Bà Th và bà T2 chưa hết hội.

Nay bà Th yêu cầu bà Nguyễn Thị Bé H và ông Lê Hồng D trả cho bà số tiền hội là 27.050.000 đồng (*Hai mươi bảy triệu, không trăm năm mươi nghìn đồng*). Ông B, bà L, bà B, bà T1, bà T2 và ông Nhân không có yêu cầu trong vụ án này.

Ngoài ra, bà Th còn tham gia dây hội 1.000.000 đồng/tháng, khai ngày 30/5/2018 (âm lịch) gồm có 17 phần, bà Th tham gia 01 phần, đã góp được 07 lần nhưng không có giấy hội và cũng không biết thông tin của các hội viên khác. Do đó, bà Th xin rút yêu cầu khởi kiện đối với số tiền 7.000.000 đồng của dây hội này.

[4] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Theo đơn khởi kiện, bà Th yêu cầu bà H, ông D trả cho bà số tiền 39.500.000 đồng. Tại phiên tòa, bà Th có thay đổi yêu cầu khởi kiện, bà chỉ yêu cầu bà H, ông D trả số tiền 27.050.000 đồng. Theo quy định tại Điều 5 Bộ luật Tố tụng dân sự, đương sự có quyền quyết định việc khởi kiện, có quyền chấm

dứt hoặc thay đổi yêu cầu của mình. Xét thấy, việc thay đổi yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn không vượt quá phạm vi đơn khởi kiện ban đầu nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện, bà Th có cung cấp 04 tờ giấy hội viết tay thể hiện các dây hội ngày 15/8/2017, ngày 20/7/2017, ngày 05/7/2018 và ngày 10/7/2018 (cùng tính theo ngày âm lịch). Theo bà Th thì đây là các giấy hội do bà H tự ghi và đưa cho bà và các hội viên. Bà Th chỉ biết có chơi hội cùng với ông B, bà L, bà B, bà T1, bà T2 và ông Nhân, còn lại tên của những người khác trong giấy hội thì bà không biết. Trong quá trình tham gia hội, bà H không cho các hội viên biết cụ thể những ai đã hót hội, do tin tưởng nên bà vẫn góp hội đầy đủ cho bà H, đến khi bế hội thì bà mới biết có một số dây hội mặc dù đã mần nhưng vẫn còn nhiều người chưa được hót hội.

Ông B, bà L, bà B, bà T1, bà T2 và ông Nhân đều thừa nhận các dây hội ngày 15/8/2017, ngày 20/7/2017, ngày 05/7/2018 và ngày 10/7/2018 (ngày âm lịch) là có thật. Ông D thừa nhận việc bà H có nợ tiền hội của bà Th nhưng không xác định được cụ thể bao nhiêu tiền. Do bà H và ông D đã vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án và không đưa ra ý kiến phản bác đối với chứng cứ và yêu cầu khởi kiện của bà Th nên Hội đồng xét xử xem xét đối chiếu lời khai của các đương sự cùng với các tài liệu chứng cứ trong hồ sơ vụ án, từ đó có cơ sở để xác định tổng số tiền hội bà H nợ bà Th đối với 04 dây hội ngày 15/8/2017, ngày 20/7/2017, ngày 05/7/2018 và ngày 10/7/2018 (ngày âm lịch) là 27.050.000 đồng.

Đối với ông D là chồng của bà H, mặc dù không trực tiếp tổ chức các dây hội trên nhưng theo bà Th thì ông D là người thu tiền hội của bà góp cho bà H; đồng thời, ông D cũng tự nguyện cùng bà H trả số tiền hội mà bà H còn nợ bà Th. Do đó, cần buộc ông D liên đới chịu trách nhiệm cùng bà H trả cho bà Th số tiền 27.050.000 đồng là phù hợp quy định điều 27 Luật Hôn nhân gia đình.

Đối với dây hội ngày 30/5/2018, tại phiên tòa bà Th xin rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với dây hội này với số tiền là 7.000.000 đồng. Do đó, Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn theo quy định tại Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Từ những phân tích và đánh giá nêu trên cho thấy, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Đối với ông Nguyễn Văn Bé B, bà Nguyễn Thị L, bà Nguyễn Thị B, bà Ngô Thị Hồng T1, bà Nguyễn Thị T2 và ông Nguyễn Thành Nhân có tham gia một số dây hội cùng với bà T1 nhưng các đương sự không có yêu cầu gì trong vụ án này. Do đó, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Th được chấp nhận yêu cầu khởi kiện nên ông D, bà H phải chịu án phí theo quy định tại Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016. Bà Th được nhận lại toàn bộ tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Điều 26, Điều 35, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 244; Điều 266, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.
- Điều 357, Điều 468 và Điều 471 của Bộ luật Dân sự năm 2015;
- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Kim Th đối với bà Nguyễn Thị Bé H và ông Lê Hồng D.

Buộc bà Nguyễn Thị Bé H và ông Lê Hồng D liên đới chịu trách nhiệm trả cho bà Nguyễn Kim Th số tiền 27.050.000 đồng (*Hai mươi bảy triệu, không trăm năm mươi nghìn đồng*).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chậm thi hành thì phải trả tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả với mức lãi suất được quy định tại Khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

2/ Đình chỉ xét xử một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Kim Th về việc buộc bà Nguyễn Thị Bé H và ông Lê Hồng D trả số tiền 7.000.000 đồng (*Bảy triệu đồng*) của đây hội ngày 30/5/2018 (âm lịch).

3/ Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Bà Nguyễn Thị Bé H và ông Lê Hồng D phải nộp số tiền 1.352.500 đồng (*Một triệu ba trăm năm mươi hai nghìn năm trăm đồng*).

- Bà Nguyễn Kim Th được nhận lại số tiền 987.500 đồng (*Chín trăm tám mươi bảy nghìn năm trăm đồng*) theo Biên lai thu tạm ứng án phí số 010780 ngày 17/01/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự có mặt được quyền kháng cáo. Đối với đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND TP. Cần Thơ;
- VKSND Q. Ô Môn;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Chi cục THADS Q. Ô Môn;
- Đường sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

(Đã ký)

Bùi Trần Thanh Thế

